TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN ĐỒ SƠN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST
Ngày 14-7-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Duy Khoa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thế Sự

Bà Hoàng Thị Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghiệp - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Việt Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị Thanh T, sinh năm 1997; nơi ĐKTT: Tổ dân phố T, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Thôn T, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt);

- *Bị đơn:* Anh Lưu Văn Q, sinh năm 1995; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ghi ngày 11-8-2021, Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Ngô Thị Thanh T bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lưu Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng vào ngày 04-5-2020. Sau khi kết hôn chị và anh Q thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do anh chị bất đồng quan điểm sống,

vợ chồng không có tiếng nói chung. Anh Q không yêu thương, quý trọng, chăm sóc mẹ con chị, nhiều lần anh Q đuổi chị ra khỏi nhà, có những hành vi xúc phạm, đòi đánh chị. Chị và anh Q chung sống cùng chị chồng (là chị gái anh Q) nhưng chị chồng chửi bới, xúc phạm, không tôn trọng chị dẫn đến việc vợ chồng anh chị luôn căng thẳng, không có hạnh phúc. Anh chị đã tìm nhiều giải pháp khắc phục tình trạng hôn nhân nhưng không có kết quả, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, bế tắc. Vì vậy, chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại xã Minh Tân, huyện Kiến Thuỵ, thành phố Hải Phòng ở từ ngày 01-8-2021 và sống ly thân với anh Q từ đó đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị và anh Q có 01 con chung là cháu Lưu An D, sinh ngày 10-8-2020. Chị nhận nuôi con và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy xác minh ngày 27-4-2022, bị đơn là anh Lưu Văn Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng nhau tại nhà bố mẹ đẻ anh ở tổ dân phố Trung Nghĩa, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng từ năm 2020. Trong quá trình chung sống, giữa anh và chị T có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhưng chỉ là mâu thuẫn rất nhỏ do vợ chồng không thống nhất được việc tổ chức sinh nhật cho con nên đã xảy ra cãi vã và chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, sống ly thân với anh khoảng 6 đến 7 tháng nay. Từ khi ly thân, anh vẫn thỉnh thoảng qua lại gặp gỡ chị T và con, đề nghị chị T quay về nhưng chị T không đồng ý. Đến nay chị T làm đơn ly hôn với anh, anh cảm thấy mâu thuẫn vợ chồng không lớn nên anh đề nghị Toà án hoà giải cho vợ chồng anh quay về đoàn tụ.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung như chị T trình bày. Tư khi anh và chị T ly thân, cháu D ở với chị T. Trường hợp ly hôn, anh nhận nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các tài liệu, chứng cứ Tòa án xác minh, thu thập thể hiện: Trong quá trình chung sống, chị T và anh Q nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xô xát. Chị T đã nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ và sống ly thân với anh Q một thời gian rồi lại quay về với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng không tin tưởng nhau, mâu thuẫn về kinh tế, tiền bạc. Mặc dù được gia đình và Chi hội phụ nữ tổ dân phố phân tích, động viên nhưng chị T và anh Q vẫn không giải quyết được mâu thuẫn. Chị T và anh Q đã sống ly thân từ khoảng cuối năm 2021 đến nay.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt hai lần tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chị T và anh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng vào ngày 04-5-2020 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị T và anh Q xảy ra mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng về quan điểm sống, về tiền bạc, kinh tế; đã được gia đình và Chi hội phụ nữ tác động, khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị T và anh Q đã sống ly thân từ khoảng cuối năm 2021 đến nay, vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, thể hiện hôn nhân giữa chị T và anh Q đã trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh Q; đồng thời giao con chung là cháu Lưu An D cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng do cháu chưa đủ 36 tháng tuổi. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn là anh Lưu Văn Q, cư trú tại tổ dân phố Trung Nghĩa, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn là chị Ngô Thị Thanh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn là anh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ độ tuổi kết hôn, có đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng vào ngày 04-5-2020 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị T và anh Q phát sinh mâu thuẫn, xảy ra cãi vã, xô xát, xúc phạm nhau, chị T và anh Q đã sống ly thân từ khoảng tháng 8-2021 đến nay, không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình; vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, anh Q đề nghị Toà án hoà giải cho anh và chị T quay về đoàn tụ nhưng anh Q vắng mặt tại phiên hoà giải và phiên toà không có lý do, bỏ mặc chị T tự giải quyết ly hôn, thể hiện anh Q không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T. Vì vậy, yêu cầu của chị T xin được ly hôn với anh Q là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị T và anh Q có 01 con chung là cháu Lưu An D, sinh ngày 10-8-2020. Chị T và anh Q đều nhận nuôi con. Xét thấy, từ khi chị T và anh Q sống ly thân, cháu D ở với chị T, trong thời gian này, anh Q không chu cấp tiền nuôi con cho chị T; cháu D còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi; chị T hiện có công việc, thu nhập, chỗ ở ổn định, đảm bảo điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con; mẹ đẻ chị T cũng cam kết sẽ hỗ trợ chị T trong việc nuôi con. Vì vậy, yêu cầu của chị T về việc giao con chung là cháu D cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị T và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị T và anh Q có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Thanh T được ly hôn anh Lưu Văn Q.

2. Về con chung: Giao cháu Lưu An D, sinh ngày 10-8-2020 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị T và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002599 ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T, anh Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Duy Khoa